

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v Ly hôn giữa ông L và bà H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Hùng Dũng

2. Ông Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1973; Trú tại: Ấp 5, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1978; Trú tại: Ấp 5, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K– Phòng giao dịch T; Địa chỉ trụ sở: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)*

Ông Dương Trung T, sinh năm 1985; Trú tại: Ấp 1, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)*

Ông Huỳnh Phong V, sinh năm 1981; Trú tại: Khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)*

Bà Đặng Thị Phương N, sinh năm 1960; Trú tại: Ấp 2, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)*

Ông Cao Văn D, sinh năm 1972; Trú tại: Ấp 1, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)*

Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1982; Trú tại: Số 94, Trương Định, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2000, do quen biết, tìm hiểu, ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà H thiếu trung thực trong việc quản lý tiền bạc trong gia đình dẫn đến mất lòng tin lẫn nhau. Từ đó, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Nay ông L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Nguyễn Phạm Kim N, sinh ngày 14/6/2007 và cháu Nguyễn Phạm Minh T, sinh năm 2002. Đối với cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với cháu N có nguyện vọng được chung sống với ai người đó nuôi. Trường hợp, cháu N sống chung sống với bà H thì ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4, tọa lạc tại Ấp 5, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ và số tiền 1.000.000.000 đồng hiện cho ông Dương Trung T vay mượn. Nay vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Phòng giao dịch T số tiền 670.000.000 đồng; Nợ tiền thức ăn của ông Huỳnh Phong V số tiền 197.000.000 đồng; Nợ tiền thức ăn và tiền vay của bà Đặng Thị Phương N số tiền 160.000.000 đồng; Nợ tiền vay ông Cao Văn D số tiền 80.000.000 đồng và nợ tiền vay bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 100.000.000 đồng. Đối với các khoản nợ này, ông L tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà H thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Thanh L về quan hệ hôn nhân, con chung. Về tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân ông L trình bày không đúng.

Về tài sản chung: Ngoài tài sản là căn nhà ông L khai, vợ chồng còn có tài sản chung khác là diện tích 2,47 ha đất. Đất tọa lạc tại Ấp 5, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ, do vợ chồng ký hợp đồng thuê khoán với Nông trường Sông Hậu. Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng, hiện cho ông Dương Trung T vay mượn là tài sản riêng của bà.

Về nợ chung: Bà H xác định, vợ chồng chỉ có nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Phòng giao dịch T số tiền 670.000.000 đồng; Nợ bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 100.000.000 đồng; Đối với các khoản nợ khác ông L khai, bà không biết.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Bà H xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông L tự ý bỏ nhà đi sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Qua yêu cầu xin ly hôn của ông L, bà có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L, do còn thương chồng và yêu cầu được đoàn tụ.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà có ý kiến sau:

Về con chung: Bà H yêu cầu được giành quyền nuôi cháu N cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H chỉ đồng ý cùng chịu trách nhiệm với ông L để trả 02 khoản nợ: Nợ Ngân hàng TMCP K số tiền 670.000.000 đồng và nợ bà Nguyễn Thị Thu T là 100.000.000 đồng.

Tại Công Văn số 02/CV-PGDTN ngày 01/4/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thể hiện:

Vợ chồng ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Kiên Long- Phòng giao dịch Thốt Nốt số tiền 670.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 1291/19/HDTD/0403-8169 ngày 07/01/2020. Để đảm bảo khoản vay trên vợ chồng ông L có thể chấp trả đất 930, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Khu vực Phú Xuân, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ do bà Phan Thị Bảnh đứng tên. Trong quá trình sử dụng vốn vay, vợ chồng ông L, bà H không thực hiện đúng những quy định đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Trung T trình bày: Vào khoảng năm 2019, ông có vay mượn của bà Phạm Thị H số tiền 600.000.000 đồng. Đối số tiền vay và tiền lãi, hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Nay ông xác định không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Phương N trình bày:

Ngày 01/01/2020, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị H vay số tiền 96.370.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, hai bên không làm giấy tờ gì. Quá trình vay, vợ chồng ông L chưa thanh toán nợ gốc và lãi. Ngoài ra, từ ngày 01/01/2020 đến 01/10/2020, bà có bán thức ăn thủy sản cho vợ chồng ông L nhiều lần. Sau khi chốt nợ, vợ chồng ông L còn nợ số tiền 53.427.000 đồng và ông L có ký xác nhận công nợ hai khoản tiền trên.

Nay bà không yêu cầu giải quyết số nợ trên trong vụ án này mà để hai bên tự thương lượng giải quyết. Nếu sau này, vợ chồng ông L không thanh toán thì bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phong V trình bày:

Trước năm 2019, ông có bán thức ăn thủy sản nhiều lần cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị H. Đến ngày 27/8/2019, vợ chồng ông L còn nợ lại số tiền 189.640.000 đồng. Từ đó cho đến nay, vợ chồng ông L chưa thanh toán số

tiền trên. Nay ông không yêu cầu giải quyết số nợ trên trong vụ án này mà để hai bên tự thương lượng giải quyết. Nếu sau này, vợ chồng ông L không thanh toán thì ông sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Ngày 10/12/2019, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị H vay mượn số tiền 100.000.000 đồng, thời gian thanh toán là 01 năm, lãi suất thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước quy định. Nay bà không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này mà để hai bên tự thương lượng giải quyết. Nếu sau này, vợ chồng ông L không thanh toán thì bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Thanh D trình bày:

Trước đây, ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị H vay mượn tiền nhiều lần. Sau đó, hai bên chốt nợ, vợ chồng ông L còn nợ số tiền 80.000.000 đồng. Nay ông và vợ chồng ông L tự thỏa thuận giải quyết. Nếu sau này, vợ chồng ông L không thanh toán thì ông sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Kim N, sinh ngày 14/6/2007 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu Nguyễn Phạm Minh T, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Ghi nhận ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên phát sinh tranh chấp.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của các đương sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm

quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Phòng giao dịch T, ông Dương Trung T, ông Huỳnh Phong V, bà Đặng Thị Phương N, ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị Thu T cùng vắng mặt nhưng đều có văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông L và bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông L và bà H là hợp pháp. Vợ chồng xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông L là do bà H thiếu trung thực trong việc quản lý tiền bạc trong gia đình dẫn đến mất lòng tin lẫn nhau. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân. Theo bà H là vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ. Thời gian sống ly thân, vợ chồng thừa nhận không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông L đã nộp đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết cũng tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa, ông L cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với bà H. Bà H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục được ông L để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa ông L và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông L xin ly hôn với bà H là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Phạm Kim N, sinh ngày 14/6/2007 và cháu Nguyễn Phạm Minh T, sinh năm 2002 (đã trưởng thành). Tại phiên tòa, vợ chồng thống nhất thỏa thuận, giao cháu N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu T đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải.

[2.4] Về nghĩa vụ chung: Ông L xác định vợ chồng nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Phòng giao dịch T số tiền 670.000.000 đồng; Nợ tiền thức ăn của ông Huỳnh Phong V số tiền 197.000.000 đồng; Nợ tiền thức ăn và tiền vay của bà Đặng Thị Phương N số tiền 160.000.000 đồng; Nợ tiền vay ông Cao Văn D số tiền 80.000.000 đồng; Nợ bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 100.000.000 đồng. Đối với các khoản nợ này, ông L tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà H xác định vợ chồng chỉ có nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K- Phòng giao dịch T số tiền 670.000.000 đồng; Nợ tiền vay bà Nguyễn Thị Thu T số tiền

100.000.000 đồng. Đối với các khoản nợ khác ông L khai, chị không thừa nhận. Bà H chỉ đồng ý cùng chịu trách nhiệm với ông L để trả 02 khoản nợ này.

Quá trình giải quyết, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Phòng giao dịch T, ông Huỳnh Phong V, bà Đặng Thị Phương N, ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị Thu T không ai có đơn yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Đó đó, cần tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có phát sinh tranh chấp

[3] *Án phí*: Nguyên đơn ông L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Phạm Kim N, sinh ngày 14/6/2007 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với cháu Nguyễn Phạm Minh T, sinh năm 2002, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông L, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông L.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

3. *Về chia tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên phát sinh tranh chấp.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 013501 ngày 04 tháng 12 năm 2020 thành tiền án phí. Buộc ông L phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi

hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L và bị đơn bà Phạm Thị H; Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K– Phòng giao dịch T, ông Dương Trung T, ông Huỳnh Phong V, bà Đặng Thị Phương N, ông Cao Văn D và bà Nguyễn Thị Thu T.

Các đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để đề yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thới Hưng;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng